TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẮK GLONG** TỈNH ĐẮK NÔNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2019/HNGĐ-ST
Ngày 31-10-2019
V/v tranh chấp về ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK GLONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Võ Văn Vinh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Hữu Tỷ.

2. Ông Phạm Xuân Đức.

- Thư ký phiên tòa: Bà Kiều Thị Thành – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắk Glong.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Glong tham gia phiên toà: Bà Lang Thị Tố - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 67/2019/TLST- HNGĐ ngày 08-7-2019 về việc "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2019/QĐST-HNGĐ ngày 14-10-2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Quang T; địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; có mặt.

2. Bị đơn: Bà Hà Thị L; địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn Nguyễn Quang T trình bày: Ông và bà Hà Thị L chung sống và đăng ký kết hôn vào ngày 01-11-2013, tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Trong thời gian chung sống, bà L thường xuyên gây

sự, trách móc vô cớ, xúc phạm đến gia đình ông nên mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; khoảng đầu năm 2014, ông T và bà L ly thân, nên ông T yêu cầu: Về quan hệ hôn nhân: Được ly hôn với bà Hà Thị L. Về con chung: Không có con chung. Về tài sản chung và nợ chung: Ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn Hà Thị L trình bày: Bà và ông T chung sống và đăng ký kết hôn vào ngày 01-11-2013, tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Do vợ chồng đã lớn tuổi, ông T nhiều lần xúc phạm tới gia đình, lừa vợ mua bán đất, bà cũng muốn bỏ qua để đoàn tụ nên không đồng ý ly hôn với ông Nguyễn Quang T. Về con chung: Không có con chung. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngày 28-10-2019, bà Hà Thị L có đơn xin xét xử vắng mặt và đồng ý ly hôn với ông Nguyễn Quang T.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Glong tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến với các nội dung:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đúng quy định của pháp luật; việc chấp hành pháp luật từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa của nguyên đơn, bị đơn đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Quang T được ly hôn với bà Hà Thị L; về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu nên không đề cập.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thẩm quyền giải quyết vụ án và quan hệ pháp luật tranh chấp*: Ông Nguyễn Quang T yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề ly hôn với bà Hà Thị L; ông T và bà L có đăng ký kết hôn hợp pháp nên quan hệ pháp luật là *"Tranh chấp về ly hôn"*; bà L có hộ khẩu thường trú tại xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện

Đắk Glong theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Xét yêu cầu của nguyên đơn Nguyễn Quang T, thấy rằng:*

Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Quang T và bà Hà Thị L chung sống và đăng ký kết hôn vào ngày 01-11-2013, tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông là hôn nhân tự nguyện, hợp pháp là có thật. Trong thời gian chung sống, vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, xúc phạm nhau nên cuộc đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, đồng thời bà Hà Thị L đồng ý ly hôn với ông T nên cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp với khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Không có con chung nên không đề cập.

Về tài sản chung: Ông Nguyễn Quang T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập.

[3] *Về án phí:* Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 1 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Quang T. Ông Nguyễn Quang T được ly hôn với bà Hà Thị L.

2. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc ông Nguyễn Quang T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông T đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003976, ngày 02-7-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ; ông T nộp xong án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Glong;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- UBND xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông (để vào sổ Hộ tịch);
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký và đóng dấu)

Võ Văn Vinh